

SỞ LAO ĐỘNG – TB & XH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG CẤP THÁP MƯỜI

GIÁO TRÌNH

Môn học: Phân tích hoạt động kinh doanh

Ngành: Kế toán doanh nghiệp

Trình độ: Trung cấp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03a/QĐ-TTCTM ngày 08 tháng 01 năm 2020
của Trường Trung cấp Tháp Mười)*

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế nói chung và kinh tế thị trường nói riêng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh không chỉ là mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn là mối quan tâm của toàn xã hội. Bởi vì, chỉ khi kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp mới có thể tồn tại và phát triển, mới đứng vững và giành được thắng lợi trong môi trường cạnh tranh. Từ đó, mới có điều kiện để tăng trưởng và tích lũy, mở rộng kinh doanh, góp phần thỏa mãn tối đa nhu cầu tiêu dùng của xã hội, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và đóng góp vào ngân sách nhà nước được nhiều hơn. Đánh giá, phân tích hoạt động kinh doanh là thuật ngữ để chỉ quá trình nghiên cứu hoạt động của một doanh nghiệp với mục đích sinh lợi. Phân tích hoạt động kinh doanh sẽ hiểu được các vấn đề kinh doanh và cơ hội kinh doanh, trong đó chứa đựng các yêu cầu cụ thể, cần thiết để đạt được mục đích kinh doanh. Với tầm quan trọng của mình, phân tích hoạt động kinh doanh là một môn khoa học luôn được chú trọng trong các trường đại học có đào tạo sinh viên ngành kế toán và cũng được vận dụng khá nhiều trong đời sống kinh tế xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam nội dung của phân tích hoạt động kinh doanh vẫn chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế nên đã làm giảm phần nào giá trị của phân tích hoạt động kinh doanh. Nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng đào tạo, Ban chủ nhiệm ngành Kế toán doanh nghiệp đã tiến hành biên soạn cuốn giáo trình “Phân tích hoạt động kinh doanh” với thời lượng 3 tín chỉ làm tài liệu học tập và giảng dạy cho học sinh sinh viên ngành kế toán.

Trong quá trình biên soạn giáo trình, Ban chủ nhiệm đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và nhiều chuyên gia. Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp chân thành và vô cùng quý báu của quý vị.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	5
1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐỐI TƯỢNG PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	5
1.1.1. Khái niệm.....	5
1.1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh.....	5
1.1.2.1. Kết quả của quá trình kinh doanh:.....	5
1.1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:.....	5
1.2. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	6
1.2.1. Phương pháp phân chia kết quả kinh tế(phương pháp chi tiết).....	6
1.2.2. Phương pháp so sánh.....	6
1.2.3. Phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả kinh tế.....	8
1.2.3.1 Phương pháp thay thế liên hoàn.	8
1.2.3.2 Phương pháp cân đối.....	10
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP.....	11
2.1. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỀ KHỐI LƯỢNG.....	11
2.1.1. Chỉ tiêu biểu thị khối lượng sản xuất.....	11
2.1.2. Phương pháp phân tích tình hình sản xuất về khối lượng.....	11
2.1.3. Phân tích tình hình sản xuất về mặt hàng chủ yếu (sản xuất theo đơn đặt hàng).....	13
2.1.3.1. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.....	13
2.1.3.2. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu (hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng) của doanh nghiệp.....	13
2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỀ MẶT CHẤT LƯỢNG.....	14
2.2.1. Ý nghĩa của chỉ tiêu chất lượng.....	14
2.2.2. Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản xuất.....	14
2.2.3.1. Phân tích tình hình sai hỏng trong sản xuất.....	15
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP.....	20
3.1. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁ THÀNH TOÀN BỘ SẢN PHẨM.....	20
3.1.1. Giá thành toàn bộ sản phẩm so sánh được và không so sánh được.....	20
3.1.2. Phương pháp phân tích.....	20
3.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HẠ THẤP GIÁ THÀNH SẢN PHẨM SO SÁNH ĐƯỢC.....	20
3.2.1. Xác định nhiệm vụ hạ giá thành kế hoạch.....	21
3.2.2. Xác định mức hạ thấp giá thành thực tế đạt được(Giữa thực tế kỳ này với thực tế kỳ trước).....	21
3.2.3. So sánh để xác định đối tượng phân tích:.....	21
3.2.4. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức hạ và tỷ lệ hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được:.....	22
CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.....	23

4.1. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TIÊU THU	23
4.1.1. Ý nghĩa của tiêu thu.....	23
4.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thu	23
4.1.3. Phương pháp phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch tiêu thu về mặt khối lượng.....	23
4.1.3.1. Phân tích chung tình hình hoàn thành kế hoạch tiêu thu.....	23
4.1.3.2. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch tiêu thu mặt hàng chủ yếu.....	24
4.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH LỢI NHUẬN.....	24
4.2.1. Ý nghĩa của lợi nhuận.....	24
4.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận.....	25
4.2.3.1. Các trường hợp tính lợi nhuận	25
4.2.3.2. Phương pháp phân tích lợi nhuận:.....	26
CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	29
5.1. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP.....	29
5.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp.....	29
5.1.2. Khái niệm về phân tích tài chính doanh nghiệp.....	29
5.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG TRONG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP.....	31
5.2.1. Phương pháp so sánh.....	31
5.2.2. Phương pháp chi tiết.....	33
5.2.3. Phương pháp loại trừ.....	33
5.2.4. Phương pháp liên hệ.....	34
5.3. PHÂN TÍCH TỶ SỐ PHẢN ÁNH KHẢ NĂNG THANH THANH TOÁN	35
5.3.1 Khả năng thanh toán hiện hành:.....	35
5.4. PHÂN TÍCH TỶ SỐ PHẢN ÁNH HIỆU QUẢ VỐN LƯU ĐỘNG	37
5.4.1 Vòng quay các khoản phải thu khách hàng/kỳ thu tiền bình quân.....	37
5.4.3. Vòng quay vốn lưu động và số ngày hoàn thành chu kỳ kinh doanh.....	38
5.4.4. Vòng quay khoản phải trả và kỳ trả nợ bình quân	39
5.5. PHÂN TÍCH TỶ SỐ PHẢN ÁNH HIỆU QUẢ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	39
5.6. PHÂN TÍCH TỶ SỐ PHẢN ÁNH KHẢ NĂNG SINH LỜI, HIỆU SUẤT SỬ DỤNG VỐN	40
5.6.1. Tỷ suất sinh lời doanh thu thuần.....	40
5.6.3. Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu.....	42
5.7. Phân tích các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính:.....	43

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐỐI TƯỢNG PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1.1.1. Khái niệm.

Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình nghiên cứu, đánh giá toàn bộ quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp, phương hướng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh tế của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường luôn phải tuân theo những quy luật kinh tế khách quan như: quy luật cung- cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh... Đồng thời, chịu ảnh hưởng bởi những nhân tố bên trong (nhân tố chủ quan) cũng như những nhân tố bên ngoài (nhân tố khách quan) doanh nghiệp.

Để chiến thắng trong cạnh tranh, để tồn tại và phát triển buộc lòng doanh nghiệp phải hoạt động đúng quy luật, phải quản lý tốt và phải đề ra được những phương án kinh doanh đúng đắn, sáng suốt. Cho nên, nhà quản lý cần phải thường xuyên nắm bắt đầy đủ thông tin làm cơ sở cho việc ra quyết định. Việc phân tích những hoạt động kinh tế sẽ cung cấp thông tin về tình hình, về hoạt động của doanh nghiệp một cách đầy đủ, trên nhiều khía cạnh, nhiều góc độ giúp tìm ra phương án kinh doanh tốt nhất, mang lại hiệu quả cao nhất .

1.1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh.

Xác định đúng đắn đối tượng phân tích là tiền đề để tổ chức thu thập thông dữ liệu hợp lý, đầy đủ, lựa chọn cách thức xử lý số liệu phù hợp để thực hiện phân tích được thuận lợi. Đối tượng chính của phân tích hoạt động kinh tế, bao gồm :

1.1.2.1. Kết quả của quá trình kinh doanh:

Kết quả của quá trình kinh doanh không chỉ là kết quả tài chính cuối cùng mà còn là kết quả thực hiện quá trình kinh doanh (giai đoạn cung ứng, giai đoạn sản xuất, giai đoạn lưu thông), kết quả hoạt động từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kết quả của quá trình kinh doanh thể hiện qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể, bao gồm chỉ tiêu phản ánh số lượng như: doanh thu, vốn kinh doanh, giá trị sản xuất và chỉ tiêu phản ánh chất lượng như: năng suất lao động, giá thành, lợi nhuận...

1.1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Nhân tố ảnh hưởng là nhân tố có tác động đến độ lớn, tính chất, xu hướng và mức độ của chỉ tiêu phân tích. Nhân tố ảnh hưởng là nhân tố nằm bên trong sự vật, hiện

tượng, chỉ tiêu nghiên cứu. Các nhân tố này bao gồm: Nhân tố chủ quan, nhân tố khách quan, nhân tố tích cực, nhân tố tiêu cực,....

Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích và định hướng chúng là công việc hết sức cần thiết và nếu chỉ dừng lại ở trị số của chỉ tiêu phân tích thì nhà quản lý sẽ không phát hiện ra các tiềm năng cũng như các tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Có nhiều phương pháp được sử dụng trong phân tích hoạt động kinh tế, tùy theo mục đích của việc phân tích mà sử dụng biện pháp cho thích hợp. Thông thường người ta sử dụng các phương pháp sau:

1.2.1. Phương pháp phân chia kết quả kinh tế (phương pháp chi tiết)

Phân chia kết quả kinh tế là việc phân loại kết quả kinh tế thành từng bộ phận theo một tiêu thức nào đó; việc phân chia kết quả kinh tế giúp ta nắm được một cách sâu sắc bản chất của sự vật, hiện tượng; nắm được mối quan hệ cấu thành, mối quan hệ nhân quả và quy luật phát triển của các sự vật, hiện tượng đó.

Ta có thể phân chia kết quả kinh tế theo những cách sau:

- *Phân chia theo cá bộ phận cấu thành*: cách phân chia này giúp đánh giá ảnh hưởng của từng bộ phận đến kết quả kinh tế. Chẳng hạn, chỉ tiêu giá thành đơn vị sản phẩm được chi tiết theo các khoản mục chi phí, chỉ tiêu doanh thu chi tiết theo mặt hàng hoặc chi tiết theo từng phương thức tiêu thụ ...

- *Phân chia theo thời gian*: Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao giờ cũng là kết quả của một quá trình. Việc phân chia theo thời gian để phân tích giúp việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh trong từng khoảng thời gian được chính xác, tìm ra được các giải pháp có hiệu quả cho từng quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, nó còn giúp tìm ra phương án sử dụng thời gian lao động một cách hiệu quả nhất. Chẳng hạn, phân chia kết quả theo từng quý, từng năm, từng tháng...

- *Phân chia theo không gian (địa điểm)*: Kết quả kinh doanh thường là đóng góp của nhiều bộ phận hoạt động trên những địa điểm khác nhau. Chi tiết theo địa điểm sẽ làm rõ hơn sự đóng góp của từng bộ phận đến kết quả chung của toàn doanh nghiệp. Chẳng hạn, Doanh thu của một doanh nghiệp thương mại có thể chi tiết theo từng cửa hàng, theo từng vùng.

1.2.2. Phương pháp so sánh

So sánh cũng là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Vì vậy, để tiến hành so sánh, phải

giải quyết những vấn đề cơ bản như xác định **số gốc để so sánh, xác định điều kiện so sánh và xác định mục tiêu so sánh.**

❖ **Xác định số gốc để so sánh** phụ thuộc các mục đích cụ thể của phân tích. Chỉ tiêu số gốc để so sánh bao gồm: số kế hoạch, định mức, dự toán kỳ trước. Tùy theo mục đích (tiêu chuẩn) so sánh mà lựa chọn số gốc so sánh:

+ Nếu số gốc là số kỳ trước: tiêu chuẩn so sánh này có tác dụng đánh giá mức biến động, khuynh hướng hoạt động của chỉ tiêu phân tích qua hai hay nhiều kỳ.

+ Nếu số gốc là số kế hoạch: Tiêu chuẩn so sánh này có tác dụng đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu đặt ra.

+ Số gốc là số trung bình ngành: Tiêu chuẩn so sánh này thường sử dụng khi đánh giá kết quả của doanh nghiệp so với mức trung bình tiên tiến của các doanh nghiệp có cùng quy mô trong cùng ngành.

❖ **Xác định điều kiện so sánh:** Các chỉ tiêu kinh tế phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Phải phản ánh cùng một nội dung kinh tế.

+ Phải có cùng một phương pháp tính toán.

+ Phải có cùng một đơn vị tính.

❖ **Xác định kỹ thuật so sánh:**

+ *So sánh bằng số tuyệt đối:* Là hiệu số giữa trị số kỳ phân tích và trị số kỳ gốc của chỉ tiêu kinh tế. Việc so sánh này cho thấy sự biến động về khối lượng, quy mô của chỉ tiêu phân tích.

+ *So sánh bằng số tương đối:* Là thương số giữa trị số kỳ phân tích và trị số kỳ gốc của chỉ tiêu kinh tế. Việc so sánh này biểu hiện kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển... của chỉ tiêu phân tích.

+ *So sánh bằng số bình quân:* Số bình quân có thể biểu thị dưới dạng số tuyệt đối (năng suất lao động bình quân, tiền lương bình quân...) hoặc dưới dạng số tương đối (tỷ suất lợi nhuận bình quân, tỷ suất chi phí bình quân...). So sánh bằng số bình quân nhằm phản ánh đặc điểm chung của một đơn vị, một bộ phận hay một tổng thể chung có cùng một tính chất.

Ví dụ: So sánh doanh thu năm nay so với năm trước. Doanh thu năm nay: 5.000.0000.0000 đồng. Doanh thu năm trước: 4.875.000.000 đồng.

Phân tích ví dụ:

- Tiêu chuẩn so sánh: Số kỳ gốc (số kỳ trước): 4.875.000.000 đồng.

- Điều kiện so sánh:

+ Cùng nội dung kinh tế : Doanh thu

+ Cùng phương pháp tính: Tính doanh thu theo phương pháp tính VAT trực tiếp (hoặc là khấu trừ).

- + Cùng đơn vị tính : đồng.
- Kỹ thuật so sánh:
- + So sánh bằng số tuyệt đối: $5.000.000.000 - 4.875.000.000 = 125.000.000 \text{ đ.}$
- + So sánh bằng số tương đối: $\frac{5.000.000.000}{4.875.000.000} * 100 \% = 102,564 \%$

1.2.3. Phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả kinh tế.

1.2.3.1 Phương pháp thay thế liên hoàn.

Là phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu phân tích khi các chỉ tiêu này có quan hệ tích, thương, hoặc vừa tích vừa thương.

Nội dung và trình tự của phương pháp này:

Giả sử có một chỉ tiêu kinh tế được viết dưới dạng phương trình như sau :

$$A = a.b.c$$

A: Chỉ tiêu phân tích.

a, b, c : Các nhân tố ảnh hưởng

-Ta có chỉ tiêu phân tích kỳ:

$$\text{Kế hoạch: } A_k = a_k . b_k . c_k$$

$$\text{Thực tế: } A_l = a_l . b_l . c_l$$

-So sánh để tính đối tượng phân tích:

$$A \quad A_l \quad A_{kh} \quad a_l b_l c_l \quad a_k b_k c_k$$

-Xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu phân tích:

Thay thế nhân tố a để tính được mức độ ảnh hưởng của nhân tố a đến chỉ tiêu phân tích A (${}_a A$) :

$${}_a A = a_l . b_k . c_k - a_k . b_k . c_k$$

Thay thế nhân tố b để tính mức độ ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích:

$${}_b A = a_l . b_l . c_k - a_l . b_k . c_k$$

Ảnh hưởng của nhân tố c đến chỉ tiêu phân tích:

$${}_c A = a_l . b_l . c_l - a_l . b_l . c_k$$

Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng:

$$A = {}_a A + {}_b A + {}_c A = a_l . b_l . c_l - a_k . b_k . c_k$$

Yêu cầu:

Phải xác định được số lượng nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích.

Sắp xếp các nhân tố theo thứ tự : nhân tố số lượng đến nhân tố chất lượng. Trường hợp chỉ tiêu có nhân tố kết cấu thì sắp thì sắp xếp nhân tố số lượng, kết cấu, rồi đến nhân tố chất lượng. Trường hợp có nhiều nhân tố số lượng, nhân tố chất lượng thì nhân tố chủ

yếu xếp trước, nhân tố thứ yếu xếp sau. (Nhân tố chủ yếu là nhân tố ảnh hưởng mạnh đến chỉ tiêu phân tích. Để biết nhân tố thứ yếu hay nhân tố chủ yếu: cố định các nhân tố định mức, thay đổi đơn vị xem, nhân tố nào ảnh hưởng lớn đến đối tượng, nhân tố đó là nhân tố chủ yếu.)

Thay thế từng nhân tố một: khi thay thế một nhân tố thì cố định các nhân tố còn lại (nhân tố nào đã được thay thế thì cố định ở kỳ phân tích, nhân tố chưa được thay thế thì cố định ở kỳ gốc).

Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng phải đúng bằng đối tượng phân tích.

Ví dụ : Có tài liệu sau đây về chi phí nguyên vật liệu X để sản xuất sản phẩm A.

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực tế
Khối lượng (Q)	1.000	1.200
Định mức tiêu hao (Kg/ sp) (m)	10	9,5
Đơn giá mua vật liệu(1000 đ) (P)	50	55

Yêu cầu: Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí vật liệu trực tiếp của doanh nghiệp.

Ta có : $CPVLT = KLSX * ĐMTH * ĐG$

Hay : $C = Q * m * P$

Tổng chi phí vật liệu trực tiếp kế hoạch (C_k):

$$C_k = Q_k * m_k * P_k = 1.000 * 10 * 50 = 500.000$$

Tổng chi phí vật liệu trực tiếp thực tế (C_1)

$$C_1 = Q_1 * m_1 * P_1 = 1.000 * 9,5 * 55 = 627.000$$

Đối tượng phân tích:

$$C = C_1 - C_k = 627.000 - 500.000 = 127.000$$

Tổng chi phí vật liệu trực tiếp thực tế tăng so với kế hoạch : 127.000 (1.000đ)

Là do ảnh hưởng của các nhân tố: Khối lượng sản xuất, Định mức tiêu hao và đơn giá mua vật liệu.

Xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố:

- Ảnh hưởng của nhân tố khối lượng sản phẩm sản xuất (${}_QC$):

$${}_QC = Q_1 m_k P_k - Q_k m_k P_k = 1.200 * 10 * 50 - 500.000 = 100.000$$

- Ảnh hưởng của nhân tố định mức tiêu hao (${}_mC$):

$${}_mC = Q_1 m_1 P_k - Q_1 m_k P_k = 1.200 * 9,5 * 50 - 1.200 * 10 * 50 =$$

-30.000

- Ảnh hưởng của nhân tố đơn giá mua (${}_pC$):

$${}_pC = Q_1 m_1 P_1 - Q_1 m_1 P_k = 1.200 * 9,5 * 55 - 1.200 * 9,5 * 50 = 57.000$$

Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng:

$$C = {}_qC + {}_mC + {}_pC = 100.000 - 30.000 + 57.000 = 127.000$$

Nhận xét: Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế tăng so với kế hoạch là 127.000(1.000 đ) là do:

Khối lượng sản phẩm sản xuất tăng lên 200 sản phẩm làm cho tổng chi phí tăng lên 100.000(1.000 đ).

Định mức tiêu hao giảm 0,5 Kg/sp làm cho tổng chi phí giảm 30.000 (1.000đ). Đó là nhờ bộ phận sản xuất cải thiện công tác sản xuất, tiết kiệm hao phí.

Do giá mua NVL tăng 5.000 đồng/ kg nên tổng chi phí nguyên vật liệu tăng thêm 57.000 (1.000đ) . Doanh nghiệp cần xác định rõ nguyên nhân làm cho giá mua tăng để có chính sách điều chỉnh phù hợp.

1.2.3.2 Phương pháp cân đối

Là phương pháp dùng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi các nhân tố có quan hệ tổng số, hiệu số.

Khi xác định mức độ ảnh hưởng của một nhân tố nào đó chỉ cần tính phần chênh lệch của nhân tố đó mà không cần quan tâm đến nhân tố khác.

$$A = a + b - c$$

$${}_aA = (a_1 - a_k)$$

$${}_bA = (b_1 - b_k)$$

$${}_cA = (c_1 - c_k)$$

$$A = {}_aA + {}_bA + {}_cA$$